TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HS-ST
Ngày 02 - 03 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Oanh

Bà Nguyễn Thị Lam

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chữ - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Huy T, sinh ngày 11/08/1989 tại huyện V, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Tổ 12, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 034089013002 do Cục Trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/4/2021; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Huy T1 và bà Phạm Thị L; có vợ là Nguyễn Nhật L (đã ly hôn); có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 09/02/2021 bị Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt hành chính số tiền là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) về hành vi Đánh bạc, đã chấp hành xong ngày 05/3/2021. Bị cáo tạm giữ từ ngày 25/08/2022 đến ngày 03/09/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

2. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 07/11/1995 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Tổ 13, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002095004480 do Cục Trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp năm 2021; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Tại bản án số 48/2014/HSST, ngày 29/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xử phạt 27 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/04/2016 (đã được xóa án tích).

+ Ngày 30/9/2022 bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang khởi tố về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Bị cáo ra đầu thú ngày 09/09/2022, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Hà Giang trong một vụ án khác. Có mặt

3. Đỗ Ngọc T, sinh ngày 15/03/1977 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Tổ 12, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002077000985 do Cục Trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 23/4/2021; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn G và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Trần Thị Ánh T, có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án số 575/HSPT, ngày 24/5/2005 bị Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt 05 năm tù về tội "Hiếp dâm", chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/9/2008 (Đã được xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/08/2022 đến ngày 03/09/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

4. Phạm Văn H, sinh ngày 14/01/1978 tại huyện K, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Tổ 14 thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 034078011057 do Cục Trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/4/2021; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Võ Thị L; có vợ là Trần Thị C, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/08/2022 đến ngày 03/09/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

5. Sìn Văn C, sinh ngày 26/02/1986 tại huyện X, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Tổ 12 thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002086009929 do Cục Trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/8/2021; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sìn Văn D và bà Cổ Thị D; có vợ là Lại Thị T, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/08/2022 đến ngày 03/09/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

6. Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 01/07/1975 tại huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: tổ 5 thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 030075019399 do Cục Trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/8/2021; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới

tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh H (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Bùi Thị M(đã ly hôn), có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo ra đầu thú ngày 04/9/2022, hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. Hà Ngọc A, sinh ngày 26/4/1995 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn M, xã K, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002195001986 do Cục Trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/5/2021; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Thanh H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có chồng là Trần Thế T (đã ly hôn), có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/08/2022 đến ngày 03/09/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

8. Lại Tiến C, sinh ngày 12/8/1985 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Tổ 7 thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 036085016135 do Cục Trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/4/2022; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lại Tiến V (đã chết) và bà Đinh Thị H; có vợ là Chu Thị T, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/08/2022 đến ngày 03/09/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

9. Nguyễn Văn T, sinh ngày 30/04/1975 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Nơi cư trú: Tổ 12 thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 008075001528 do Cục Trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp 13/4/2021; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Mai Thị M; có vợ là Lục Thị D, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ 29/8/2022 đến ngày 03/9/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

10. Chu Thái V, sinh ngày 16/07/1964 tại huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Thôn C, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 025064002622 do Cục Trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 23/4/2021; trình độ học vấn: 8/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn H và bà Nguyễn Thị T (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị H, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1986, con nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/8/2022 đến ngày 03/9/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

11. Nguyễn Văn H, sinh ngày 15/08/1986 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do;

Căn cước công dân số 008086011331 do Cục Trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/9/2022; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Lý Phương T, có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/08/2022 đến ngày 03/09/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

12. Đinh Xuân A, sinh ngày 12/04/1983 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Tổ 12. Thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002083006022 do Cục Trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/2/2021; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Xuân T và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Đinh Thị T, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/08/2022 đến ngày 03/09/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

13. Đặng Huy H, sinh ngày 10/05/1960 tại huyện X, tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: Tổ 06 thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 036060009613 do Cục Trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/4/2021; trình độ học vấn: 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Ngọc L và bà Đặng Thị D (đều đã chết); có vợ là Phạm Thị H, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ 30/8/2022 đến ngày 03/9/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

** Người làm chứng:*

- Anh Bùi Quốc H, sinh năm 1985. Vắng mặt
- Anh Thèn Quang G, sinh năm 1988. Vắng mặt
- Anh Hoàng Minh Đ, sinh năm 1988. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 25/8/2022, Tổ công tác Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang phát hiện một số đối tượng đang thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền gồm: Nguyễn Huy T, sinh năm 1989; Phạm Văn H, sinh năm 1978; Đỗ Ngọc T, sinh năm 1977; Lại Tiến C, sinh năm 1985; Đinh Xuân A, sinh năm 1983; Sìn Văn C, sinh năm 1986, cùng trú tại thị trấn V, huyện B, Hà Giang; Hà Ngọc A, sinh năm 1995, trú tại xã K, huyện B, tỉnh Hà Giang; Nguyễn Văn H, sinh năm 1986, trú tại thôn V, xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Ngoài ra còn có Bùi Quốc H, sinh năm 1985 và Thèn Quang G, sinh năm 1988 cùng trú tại thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang cũng có mặt. Quá trình tiếp cận bắt, các đối tượng đã ném vỡ chén sứ, đĩa sứ là công cụ để phục vụ cho

việc đánh bạc và tẩu tán tiền tham gia đánh bạc. Vật chứng thu giữ tại hiện trường là 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*), thu giữ trên người của các đối tượng là 55.490.000đ (*Năm mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*) và các công cụ phục vụ cho việc đánh bạc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã lập biên bản làm việc; thu giữ đồ vật, tài liệu liên quan để điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

Trong các ngày 29/8/2022, 30/8/2022, 04/9/2022, 09/9/2022, Nguyễn Văn Tuấn, Đặng Huy H, Chu Thái V, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Văn Đ đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang để đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra, các đối tượng khai nhận: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 25/8/2022, Nguyễn Huy T cùng Hà Ngọc A đến quán gần nhà nghỉ H thuộc tổ 4, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang ngồi chơi, uống nước. Trong lúc uống nước có Lại Tiến C, Sìn Văn C một số lái xe taxi và xe ôm đang chờ khách gồm có: Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1975; Đặng Huy H, sinh năm 1960; Đinh Xuân A, sinh năm 1983; Chu Thái V, sinh năm 1964; Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 cùng trú tại thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Do thường xuyên đi lại khu vực ngã ba nên Nguyễn Huy T biết chỗ mọi người hay tụ tập đánh bạc là ở đường ngách bên cạnh nhà nghỉ H, sau khi uống nước xong, vào khoảng 15 giờ Nguyễn Huy T đứng dậy mục đích là đi xem có ai đánh bạc không, lúc này Hà Ngọc A cũng đứng dậy đi cùng Nguyễn Huy T. Khi đi bộ đến khu vực đường ngách bên cạnh nhà nghỉ H thì T nhìn thấy 01 (*một*) chén sứ màu trắng, 01 (*một*) đĩa sứ màu trắng và 04 (*bốn*) quân bạc được cắt từ quân tú lơ khơ một mặt màu trắng, một mặt có nhiều hoa văn để ở gốc cây cạnh bờ tường, T đi đến và cầm lấy, sau đó Nguyễn Huy T và Hà Ngọc A ngồi xuống vị trí đường bê tông, lúc này Lại Tiến C và Sìn Văn C cũng đi đến vị trí của Nguyễn Huy T và Hà Ngọc A; đồng thời Nguyễn Ngọc Q, Đặng Huy H, Đinh Xuân A, Chu Thái V, Nguyễn Văn T cũng đi đến và mọi người cùng nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa. Nguyễn Huy T trực tiếp xóc đĩa và cùng mọi người đặt cược.

Cách thức đánh bạc được quy ước như sau: Phía bên tay trái người xóc đĩa là lẻ, bên tay phải là chẵn, người xóc đĩa cho 04 quân bạc (được cắt từ quân tú lơ khơ) vào trong đĩa rồi úp chén lên, dùng tay xóc nhiều lần rồi đặt xuống, sau đó những người tham gia đánh bạc bắt đầu đặt cược tiền vào cửa chẵn, cửa lẻ, số tiền đặt cược tùy thuộc vào người chơi. Căn cứ để xác định thắng thua là dựa vào số mặt của bốn quân bạc khi mở chén ra với tỉ lệ là 1 ăn 1: nếu kết quả cả 04 quân bạc cùng một màu hoặc 02 cặp quân bạc cùng một màu thì quy ước là chẵn; nếu 03 quân bạc cùng một màu và 01 quân bạc còn lại khác màu thì quy ước là lẻ. Sau khi người chơi đặt cược thì người xóc đĩa sẽ mở chén ra, nếu kết quả quân bạc là "chẵn" thì người đặt cược bên "chẵn" sẽ được số tiền tương ứng với số tiền đặt cược, còn người đặt cược bên "lẻ" sẽ thua số tiền đặt cược và ngược lại.

Trong lúc mọi người tham gia đánh bạc thì Nguyễn Văn H, sinh năm 1986, trú tại xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Phạm Văn H, sinh năm 1978; Đỗ Ngọc T, sinh năm 1977 và Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1995 cùng trú tại thị trấn V, huyện B, tỉnh

Hà Giang đi qua khu vực ngã ba, thấy mọi người tụ tập tại đường ngách bên cạnh nhà nghỉ Hương Giang nên có vào xem và cùng tham gia đánh bạc. Sau khi chơi được một lúc thì Đinh Xuân A, Đặng Huy H, Chu Thái V, Nguyễn Ngọc Q và Nguyễn Văn Đ đứng dậy đi về trước. Trong lúc mọi người đánh bạc thì Bùi Quốc H và Thèn Quang G có vào xem nhưng không bỏ tiền đặt cược. Các đối tượng tham gia đánh bạc từ khoảng 15 giờ ngày 25/8/2022 đến 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang phát hiện.

Số tiền thu giữ tại hiện trường là **600.000đ** ***(Sáu trăm nghìn đồng)*** và tổng số tiền thu giữ trên người và của các đối tượng giao nộp là **55.490.000đ** ***(Năm mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng)*** gồm: Nguyễn Ngọc Q giao nộp 600.000đ; Chu Thái V giao nộp 250.000đ; Đặng Huy H giao nộp 500.000đ; Nguyễn Văn T giao nộp 400.000đ; Nguyễn Huy T giao nộp 10.600.000đ; Sìn Văn C giao nộp 13.000.000đ; Hà Ngọc A giao nộp 9.342.000đ; Phạm Văn H giao nộp 2.605.000đ; Đinh Xuân A giao nộp 610.000đ; Nguyễn Văn H giao nộp 5.000đ; Lại Tiến C giao nộp 105.000đ; Bùi Quốc H giao nộp 11.600.000đ; Thèn Quang G giao nộp 5.873.000đ.

Quá trình điều tra đã xác định được:

+ Tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc và đã thắng bạc là **7.225.000đ (*bảy triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*)**, trong đó: Nguyễn Huy T sử dụng 775.000đ (*Bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*); Hà Ngọc A sử dụng 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*); Đỗ Ngọc T sử dụng 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*); Nguyễn Ngọc Q sử dụng 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*); Đặng Huy H sử dụng 50.000đ (*Năm mươi nghìn đồng*); Nguyễn Văn T sử dụng 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*); Sìn Văn C sử dụng 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*); Nguyễn Văn Đức sử dụng 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*); Đinh Xuân A sử dụng 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*); Lại Tiến C sử dụng 250.000đ (*Hai trăm năm mươi nghìn đồng*); Nguyễn Văn H sử dụng 145.000đ (*Một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*); Chu Thái V sử dụng 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*); Phạm Văn H sử dụng 2.505.000đ (*Hai triệu năm trăm linh năm nghìn đồng*).

+ Tổng số tiền thu giữ trên người, các đối tượng không sử dụng vào đánh bạc là **48.865.000đ (*Bốn mươi tám triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*)**, gồm: Nguyễn Huy T 9.200.000đ; Hà Ngọc A 8.642.000đ; Sìn Văn C 13.000.000đ; Đinh Xuân A 550.000đ; Bùi Quốc H 11.600.000đ; Thèn Quang G 5.873.000đ. Số tiền thu giữ tại hiện trường được xác định là tiền của bị can Sìn Văn C ném xuống đất.

Ngày 16/9/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 172/QĐ-CSĐT, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang giám định số tiền thu giữ trên người và của các đối tượng giao nộp là 55.490.000đ (*Năm mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*) là tiền thật hay tiền giả. Tại kết luận giám định số 326/KL-KTHS ngày 20/9/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: 250 *(hai trăm năm mươi)* tờ tiền Việt Nam gửi giám định đều là tiền thật *(có bảng kê mệnh giá tiền và số seri kèm theo)*.

Ngày 27/9/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 181/QĐ-CQĐT, trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định 04 tệp video ghi lại hình ảnh các đối tượng tham gia đánh bạc, có bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh không. Tại kết luận giám định số 6540/KL-KTHS ngày 22/11/2022 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong các tệp video mẫu cần giám định.

Ngày 18/11/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 240/QĐ-CQĐT, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang giám định số tiền thu giữ tại hiện trường là 600.000 đồng *(Sáu trăm nghìn đồng)* là tiền thật hay tiền giả. Tại kết luận giám định số 404/KL-KTHS ngày 23/11/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: 09 *(chín)* tờ tiền Việt Nam gửi giám định đều là tiền thật.

Với chứng cứ và hành vi nêu trên, tại Cáo trạng số 11/CT-VKSBQ ngày 17/01/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Huy T, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Ngọc T, Phạm Văn H, Sìn Văn C, Nguyễn Ngọc Q, Hà Ngọc A, Lại Tiến C, Nguyễn Văn T, Chu Thái V, Nguyễn Văn H, Đinh Xuân A, Đặng Huy H về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản cáo trạng đã nêu.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố;

1. Về tội danh:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Huy T, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Ngọc T, Phạm Văn H, Sìn Văn C, Nguyễn Ngọc Q, Hà Ngọc A, Lại Tiến C, Nguyễn Văn T, Chu Thái V, Nguyễn Văn H, Đinh Xuân A, Đặng Huy H phạm tội "Đánh bạc".

2. Về điều luật và hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các Điều 17, 50, 58 và Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ** từ 07 - 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các Điều 17, 50, 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Huy T,** từ 09 - 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các Điều 17, 50, 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Đỗ Ngọc T,** từ 06 - 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Huy T, Đỗ Ngọc T cho Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang để giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn H, Sìn Văn C, Hà Ngọc A, Nguyễn Văn H, đề nghị xử phạt:

+ Bị cáo **Phạm Văn H** từ 18 - 24 tháng Cải tạo không giam giữ;

+ Bị cáo **Sìn Văn C** từ 15 - 18 tháng Cải tạo không giam giữ;

+ Bị cáo **Hà Ngọc A** từ 12 - 15 tháng Cải tạo không giam giữ;

+ Bị cáo **Nguyễn Văn H** từ 12 - 15 tháng Cải tạo không giam giữ;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lại Tiến C, Đinh Xuân A, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Văn T, Chu Thái V, Đặng Huy H, đề nghị xử phạt:

+ Bị cáo **Lại Tiến C** từ 09 - 12 tháng Cải tạo không giam giữ;

+ Bị cáo **Đinh Xuân A** từ 09 - 12 tháng cải tạo không giam giữ;

+ Bị cáo **Nguyễn Ngọc Q** từ 07 - 09 tháng cải tạo không giam giữ;

+ Bị cáo **Nguyễn Văn T** từ 07 - 09 tháng cải tạo không giam giữ;

+ Bị cáo **Chu Thái V** từ 07 - 09 tháng cải tạo không giam giữ;

+ Bị cáo **Đặng Huy H** từ 07 - 09 tháng cải tạo không giam giữ;

Các bị cáo Phạm Văn H, Sìn Văn C, Hà Ngọc A, Lại Tiến C, Nguyễn Văn H, Đinh Xuân A đều được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/8/2022 đến 03/09/2022; bị cáo Nguyễn Văn T được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/8/2022 đến 03/09/2022; các bị cáo Chu Thái V, Đặng Huy H được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/8/2022 đến 03/09/2022.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nơi các bị cáo cư trú nhận được Bản án và Quyết định thi hành án. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trường hợp người chấp hành án đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trường hợp các bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong 01 ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

- Do các bị cáo đều lao động tự do, thu nhập không ổn định đề nghị miễn khấu trừ một phần thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình đối với các bị cáo Phạm Văn H, Sìn Văn C, Hà Ngọc A, Lại Tiến C, Nguyễn Văn H, Đinh Xuân A, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Văn T, Chu Thái V, Đặng Huy H.

- Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo trong vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự,

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự:

- Đề nghị xử tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội là 7.225.000 đồng *(Bảy triệu hai trăm hai lăm nghìn đồng)* trong tổng số tiền đã thu giữ là 38.617.000 đồng (*Ba mươi tám triệu sáu trăm mười bảy nghìn đồng*) được chuyển từ tài khoản tạm gửi số 359109048641 của Công an huyện Bắc Quang sang tài khoản số 3949.0.1047740 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang mở tại Kho bạc nhà nước huyện Bắc Quang và theo Biên bản giao nhận vật chứng, biên lai thu tiền số 0001531 ngày 07/02/2023; Ủy nhiệm chi ngày 22/02/2023, biên bản giao nhận vật chứng, biên lai thu tiền số 0001533 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang.

- Đề nghị xử trả lại số tiền chênh lệch không liên quan đến hành vi phạm tội là 31.392.000 đồng (*Ba mươi mốt triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng*) cho các chủ sở hữu gồm: Trả lại bị cáo Nguyễn Huy T số tiền 9.200.000 đồng; Trả lại bị cáo Sìn Văn C số tiền 13.000.000 đồng; Trả lại bị cáo Hà Ngọc A số tiền 8.642.000 đồng; Trả lại bị cáo Đinh Xuân A số tiền 550.000 đồng.

- Đề nghị xử tịch thu và tiêu hủy những vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội không có giá trị và không sử dụng được gồm: 01 *(một)* chén sứ màu trắng, bị vỡ thành nhiều mảnh; 01 *(một)* đĩa sứ màu trắng, bị vỡ thành nhiều mảnh; 04 *(bốn)* quân bạc một mặt màu trắng, một mặt có nhiều hoa văn

4. Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Phần tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí với điều luật áp dụng, tội danh và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bắc Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang,

Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên toà Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những nười tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt người làm chứng Bùi Quốc H, Thèn Quang G, Hoàng Minh Đ, xét thấy người làm chứng đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên và xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo thống nhất, phù hợp với lời khai và bản tự khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, các vật chứng đã thu giữ tại hiện trường và lời khai của người làm chứng. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh qua biên bản làm việc; Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử và Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 25/8/2022; Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ và bản ảnh xác định hiện trường ngày 11/11/2022; Sơ đồ vị trí ngồi tham gia đánh bạc do các bị cáo tự vẽ; Kết luận giám định số 326/KL-KTHS ngày 20/9/2022 và Kết luận số 404/KL-KTHS ngày 23/11/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang; Kết luận giám định số 6540/KL-KTHS ngày 22/11/2022 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an; cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 15 giờ đến 15 giờ 30 phút ngày 25/8/2022, tại đường ngách bên cạnh nhà nghỉ H, thuộc tổ 4, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang các bị cáo Nguyễn Huy T, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Ngọc T, Phạm Văn H, Sìn Văn C, Hà Ngọc A, Nguyễn Văn H, Lại Tiến C, Đinh Xuân A, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Văn T, Chu Thái V, Đặng Huy H đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền, số tiền thu giữ tại hiện trường và số tiền các bị cáo giao nộp được xác định sử dụng vào việc đánh bạc là 7.225.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Do đó, các bị cáo Nguyễn Huy T, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Ngọc T, Phạm Văn H, Sìn Văn C, Hà Ngọc A, Nguyễn Văn H, Lại Tiến C, Đinh Xuân A, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Văn T, Chu Thái V, Đặng Huy H phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố.

[4] Hành vi phạm tội "Đánh bạc" của các bị cáo trong vụ án này thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt là phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt Cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây dư luận xấu và ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa

phương, các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, song với động cơ, mục đích kiếm tiền bất hợp pháp, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa để sát phạt được thua bằng tiền của nhau. Do đó, cần phải có một mức án phù hợp đối với mỗi bị cáo về hành vi phạm tội đã gây ra.

[5] Xét vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của những người phạm tội thấy rằng: Trong vụ án này các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp bột phát, không có người khởi sướng, không có sự bàn bạc, câu kết hay phân công lẫn nhau, nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Đồng thời, các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa đã xác định được trong vụ án này không có người khởi sướng, các bị cáo đều tham gia với vai trò đánh bạc, bị cáo Nguyễn Huy T là người xóc đĩa và cùng 12 bị cáo khác tham gia đánh bạc sát phạt được thua bằng tiền của nhau, số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc như sau: Nguyễn Huy T 775.000đ, Hà Ngọc A 400.000đ, Đỗ Ngọc T 500.000đ; Nguyễn Ngọc Q 500.000đ; Đặng Huy H 50.000đ; Nguyễn Văn T 200.000đ; Sìn Văn C 1.500.000đ; Nguyễn Văn Đ 100.000đ; Đinh Xuân A 100.000đ; Lại Tiến C 250.000đ; Nguyễn Văn H 145.000đ; Chu Thái Văn 200.000đ; Phạm Văn H 2.505.000đ

[7] Các bị cáo Nguyễn Huy T, Nguyễn Văn Đ và Đỗ Ngọc T, đều có nhân thân không tốt, bị cáo T bị xử phạt hành chính một lần bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc, nhưng đã chấp hành xong từ ngày 05/3/2021, đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo Nguyễn Văn Đ bị kết án 01 lần về hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/04/2016, bị cáo Đỗ Ngọc T, bị kết án 01 lần về hành vi "Hiếp dâm", chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/9/2008 và đều đã được xóa án tích, nên coi như chưa bị kết án theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Huy T, Nguyễn Văn Đ và Đỗ Ngọc T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Huy T do chưa bị kết án lần nào nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn Đ ra đầu thú, bị cáo Đỗ Ngọc T là lao động chính, điều kiện hoàn cảnh khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, khi áp dụng mức hình phạt cũng cần xem xét vai trò, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của từng bị cáo, để quyết định mức phạt đối với mỗi bị cáo cho phù hợp. Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ, sau khi thực hiện hành vi đánh bạc trong vụ án này, ngày 30/9/2022 bị cáo Đức lại tiếp tục thực hiện hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy", hiện nay đã bị khởi tố và đang bị tạm giam trong một vụ án khác, hành vi tiếp

tục cố ý phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn Đ thể hiện sự coi thường pháp luật, nên cần cách ly bị cáo Nguyễn Văn Đ ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung. Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Huy T là người xóc cái và tham gia đánh bạc nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Huy T, Đỗ Ngọc T trong vụ án này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tham gia với vai trò không đáng kể, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc ít, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình sinh sống tại địa phương các bị cáo luôn chấp hành, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, có nơi cư trú rõ ràng và trong thời gian tại ngoại các bị cáo không có hành vi bỏ trốn, không có hành vi vi phạm pháp luật. Vì vậy, căn cứ các điều kiện quy định tại Nghị quyết số 02/2018/HĐTP, ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xét xử các bị cáo Nguyễn Huy T, Đỗ Ngọc T mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định, giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện B để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, cũng đủ cũng đủ răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

[8] Đối với các bị cáo Phạm Văn H, Sìn Văn C, Hà Ngọc A, Lại Tiến C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Văn T, Chu Thái V, Đinh Xuân A, Đặng Huy H, đều là những người phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, nên các bị cáo đều được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo Lại Tiến C**,** Nguyễn Ngọc Q, Đinh Xuân A, Đặng Huy H, đều có người thân là người có công với Nhà nước; các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Văn T, Chu Thái V, Đặng Huy H giai đoạn điều tra đã ra đầu thú; bị cáo Chu Thái V thuộc hộ nghèo có điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên các bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, ngoài lần phạm tội này ra các bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước và có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng loại hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Phạm Văn H, Sìn Văn C, Hà Ngọc A, Lại Tiến C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Văn T, Chu Thái V, Đinh Xuân A, Đặng Huy H theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự, cũng đủ răn đe giáo dục đối với các bị cáo. Tuy nhiên, khi áp dụng mức hình phạt cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của từng bị cáo, để quyết định mức phạt cải tạo không giam giữ đối với mỗi bị cáo cho phù hợp. Ngoài ra, Hội đồng xét xử, xét thấy các bị cáo đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng khấu trừ một phần thu nhập đối với các bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo trong vụ án này đều là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với những vật chứng cơ quan Công an huyện Bắc Quang tạm giữ, quá trình điều tra cơ quan Công an xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, đã xử lý trả lại cho các chủ sở hữu theo quy định, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với những vật chứng đã thu giữ được chuyển theo hồ sơ vụ án, trên cơ sở nghiên cứu tài liệu chứng cứ và quá trình thẩm vấn tranh tụng tại phiên tòa. Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự, xử lý như sau: Đối với tổng số tiền đã thu giữ là 38.617.000 đồng (*Ba mươi tám triệu sáu trăm mười bảy nghìn đồng*) được chuyển từ tài khoản tạm gửi số 359109048641 của Công an huyện Bắc Quang sang tài khoản số 3949.0.1047740 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang mở tại Kho bạc nhà nước huyện Bắc Quang và theo Biên bản giao nhận vật chứng, biên lai thu tiền số 0001531 ngày 07/02/2023; Ủy nhiệm chi ngày 22/02/2023, biên bản giao nhận vật chứng, biên lai thu tiền số 0001533 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang. Hội đồng xét xử xác định trong đó có 7.225.000 đồng *(Bảy triệu hai trăm hai lăm nghìn đồng)* là tiền các bị cáo sử dụng vào đánh bạc, nên cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước. Số tiền chênh lệch còn lại là 31.392.000 đồng (*Ba mươi mốt triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng*), Hội đồng xét xử, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội cần được trả lại cho chủ sở hữu gồm: Trả lại bị cáo Nguyễn Huy T số tiền 9.200.000 đồng; Trả lại bị cáo Sìn Văn C số tiền 13.000.000 đồng; Trả lại bị cáo Hà Ngọc A số tiền 8.642.000 đồng; Trả lại bị cáo Đinh Xuân A số tiền 550.000 đồng. Đối với vật chứng còn lại gồm: 01 *(một)* chén sứ màu trắng, bị vỡ thành nhiều mảnh; 01 *(một)* đĩa sứ màu trắng, bị vỡ thành nhiều mảnh; 04 *(bốn)* quân bạc một mặt màu trắng, một mặt có nhiều hoa văn, xét thấy đây là công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị và không sử dụng được cần tuyên tịch thu, tiêu hủy.

[12] Về án phí: Các bị cáo đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Từ những phân tích nêu trên, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về giải quyết vụ án, đề nghị về tội danh, đề nghị áp dụng điều luật và mức hình phạt đối với từng bị cáo, đề nghị xử lý vật chứng và án phí là hoàn toàn có cơ sở và đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Huy T, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Ngọc T, Phạm Văn H, Sìn Văn C, Hà Ngọc A, Nguyễn Văn H, Lại Tiến C, Đinh Xuân A, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Văn T, Chu Thái V, Đặng Huy H phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38, Điều 17, Điều 50, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ**, 07 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các Điều 17, 50, 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Huy T** 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các Điều 17, 50, 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Đỗ Ngọc T** 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Huy T, Đỗ Ngọc T cho Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang để giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn H, Sìn Văn C, Hà Ngọc A, Nguyễn Văn H;

+ Xử phạt bị cáo **Phạm Văn H** 18 tháng Cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/8/2022 đến 03/09/2022 (chuyển đổi theo tỷ lệ được 27 ngày). Bị cáo Phạm Văn H phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 17 tháng 03 ngày.

+ Xử phạt bị cáo **Sìn Văn C** 15 tháng Cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/8/2022 đến 03/09/2022 (chuyển đổi theo tỷ lệ được 27 ngày). Bị cáo Sìn Văn C phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 14 tháng 03 ngày.

+ Xử phạt bị cáo **Hà Ngọc A** 12 tháng Cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/8/2022 đến 03/09/2022 (chuyển đổi theo tỷ lệ được 27 ngày). Bị cáo Hà Ngọc A phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 11 tháng 03 ngày.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** 12 tháng Cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/8/2022 đến 03/09/2022 (chuyển đổi theo tỷ lệ được 27 ngày). Bị cáo Nguyễn Văn H phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 11 tháng 03 ngày.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lại Tiến C, Đinh Xuân A, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Văn T, Chu Thái V, Đặng Huy H;

+ Xử phạt bị cáo **Lại Tiến C** 09 tháng Cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/8/2022 đến 03/09/2022 (chuyển đổi theo tỷ lệ được 27 ngày). Bị cáo Lại Tiến C phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 08 tháng 03 ngày.

+ Xử phạt bị cáo **Đinh Xuân A** 09 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/8/2022 đến 03/09/2022 (chuyển đổi theo tỷ lệ được 27 ngày). Bị cáo Đinh Xuân A phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 08 tháng 03 ngày.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc Q** 07 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 07 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/8/2022 đến 03/09/2022 (chuyển đổi theo tỷ lệ được 15 ngày). Bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 06 tháng 15 ngày.

+ Xử phạt bị cáo **Chu Thái V** 07 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/8/2022 đến 03/09/2022 (chuyển đổi theo tỷ lệ được 12 ngày). Bị cáo Chu Thái V phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 06 tháng 18 ngày.

+ Xử phạt bị cáo **Đặng Huy H** 07 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/8/2022 đến 03/09/2022 (chuyển đổi theo tỷ lệ được 12 ngày). Bị cáo Đặng Huy H phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 06 tháng 18 ngày.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo Phạm Văn H, Sìn Văn C, Lại Tiến C, Đinh Xuân A, Nguyễn Văn T, Chu Thái V, Đặng Huy H được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện B,tỉnh Hà Giang nhận được Bản án và Quyết định thi hành án. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Hà Ngọc A được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã K, huyện B, tỉnh Hà Giang nhận được Bản án và Quyết định thi hành án. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Nguyễn Văn H được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nhận được Bản án và Quyết định thi hành án. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trường hợp người chấp hành án đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Miễn khấu trừ một phần thu nhập đối với các bị cáo Phạm Văn H, Sìn Văn C, Hà Ngọc A, Lại Tiến C, Nguyễn Văn H, Đinh Xuân A, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Văn T, Chu Thái V, Đặng Huy H.

Trường hợp các bị cáo Phạm Văn H, Sin Văn Chung, Hà Ngọc A, Nguyễn Văn H, Lại Tiến C, Đinh Xuân A, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Văn T, Chu Thái V, Đặng Huy H bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong 01 ngày và không quá 05 ngày

trong 01 tuần.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự, xử:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam là 7.225.000 đồng *(Bảy triệu hai trăm hai lăm nghìn đồng)* trong tổng số tiền đã thu giữ là 38.617.000 đồng (*Ba mươi tám triệu sáu trăm mười bảy nghìn đồng*) được chuyển từ tài khoản tạm gửi số 359109048641 của Công an huyện Bắc Quang sang tài khoản số 3949.0.1047740 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang mở tại Kho bạc nhà nước huyện Bắc Quang.

- Trả lại số tiền chênh lệch là 31.392.000 đồng (*Ba mươi mốt triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng*) cho các chủ sở hữu gồm: Trả lại bị cáo Nguyễn Huy T số tiền 9.200.000 đồng; Trả lại bị cáo Sìn Văn C số tiền 13.000.000 đồng; Trả lại bị cáo Hà Ngọc A số tiền 8.642.000 đồng; Trả lại bị cáo Đinh Xuân A số tiền 550.000 đồng.

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 *(một)* chén sứ màu trắng, bị vỡ thành nhiều mảnh; 01 *(một)* đĩa sứ màu trắng, bị vỡ thành nhiều mảnh; 04 *(bốn)* quân bạc một mặt màu trắng, một mặt có nhiều hoa văn

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng, biên lai thu tiền số 0001531 ngày 07 tháng 02 năm 2023 và Ủy nhiệm chi ngày 22/02/2023, biên bản giao nhận vật chứng và biên lai thu tiền số 0001533 ngày 24/02/2023 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố Tụng hình sự, Điều 3, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Huy T, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Ngọc T, Phạm Văn H, Sìn Văn C, Hà Ngọc A, Nguyễn Văn H, Lại Tiến C, Đinh Xuân A, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Văn T, Chu Thái V, Đặng Huy H mỗi bị cáo phải chịu số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333, 336, 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà giang;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- UBND xã, thị trấn nơi các bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Đàm Thị Tư